

Kèm cu 13004 (SICHON)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết
việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và
điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 11/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là Nghị định). Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Theo quy định tại Điều 13 Luật Năng lượng nguyên tử (NLNT) 2008 có 08 quy hoạch, trong đó 01 Quy hoạch tổng thể phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2010 và 07 quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, công nghiệp và các ngành kinh tế - kỹ thuật khác được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2010 và 2011 (*Danh mục các Quy hoạch trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được kèm theo Tờ trình này*). Tuy nhiên, theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, chỉ có 03 quy hoạch trong lĩnh vực NLNT bao gồm: 02 Quy hoạch thuộc Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT, Quy hoạch phát triển điện hạt nhân (Phụ lục II) và 01 quy hoạch thuộc Danh mục quy hoạch ngành quốc gia là Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ (Phụ lục I).

Ngày 20/11/2018, tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14), trong đó tại Khoản 2, Điều 15 Luật 35/2018/QH14 quy định:

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, các Bộ, cơ quan ngang bộ và các Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trình Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt; tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử đã được phê duyệt.

- Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Ngày 11/12/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1726/QĐ-TTg về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 6, trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trình Chính phủ xem xét, thông qua theo thủ tục rút gọn.

Như vậy, việc xây dựng ban hành Nghị định là cần thiết để kịp thời thực hiện quy định tại Khoản 2, Điều 15 của Luật số 35/2018/QH14, đồng thời tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc xây dựng quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử cho giai đoạn sau 2020 trên cơ sở tích hợp các nội dung quy hoạch về phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế - xã hội (y tế, công nghiệp, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường) và các quy hoạch liên quan khác.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC SOẠN THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được soạn thảo trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau:

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan. Nội dung quy định chi tiết phù hợp với tinh thần và nội dung của Luật Năng lượng nguyên tử; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật Việt Nam; giữa pháp luật năng lượng nguyên tử với các pháp luật liên quan khác;

- Tập trung quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh của quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử;

- Bảo đảm minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban soạn thảo xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (Quyết định số .../QĐ-

BKHCN ngày .../12/2018) do một Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Tổ trưởng, các thành viên từ các Bộ, ngành (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), đại diện lãnh đạo, chuyên viên của một số đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, cơ quan soạn thảo đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các công việc sau đây:

1. Rà soát các quy định lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch quy định tại Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức họp Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ. Ngoài ra, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã tổ chức một số buổi làm việc với các đơn vị liên quan của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường để thống nhất phương pháp, nội dung.

3. Đăng tải Dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi dự thảo Nghị định để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Công văn số /BKHCN-NLNT ngày tháng 12 năm 2018).

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được văn bản góp ý của .. Bộ ngành, Ý kiến góp ý đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này Bảng tổng hợp, tiếp thu ý kiến).

4. Gửi hồ sơ Nghị định để Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã có công văn số .../BKHCN-NLNT ngày .../12/2018 kèm theo Hồ sơ Nghị định gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định.

Ngày .../12/2018, Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định và cho ý kiến đối với dự thảo Nghị định. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp (số .../BTP-PLDSKT ngày ../12/2018), Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị định để trình Chính phủ.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 05 Chương và 40 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung (Điều 1 - Điều 6)

Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, thời kỳ quy hoạch, thời hạn lập quy hoạch, trình tự trong hoạt động quy hoạch, hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, hệ thống thông tin và dữ liệu phục vụ cho hoạt động quy hoạch và kinh phí cho hoạt động quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Chương II. Lập quy hoạch (Điều 7 - Điều 17)

Chương này gồm 02 mục:

Mục 1: Trách nhiệm của các cơ quan tham gia lập quy hoạch

Mục này quy định trách nhiệm của các cơ quan liên tham gia vào quá trình lập quy hoạch, bao gồm: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch, cơ quan lập hợp phần quy hoạch; trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch; trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch và cơ quan lập hợp phần quy hoạch; trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn lập hợp phần quy hoạch; điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Mục 2: Nhiệm vụ lập quy hoạch

Mục này quy định về căn cứ xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch; tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch; phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch; lấy ý kiến về quy hoạch.

Chương III. Thẩm định, phê duyệt, công bố quy hoạch (Điều 18 - Điều 31)

Chương này gồm 03 mục:

Mục 1: Thẩm định quy hoạch

Mục này quy định về Hội đồng thẩm định; Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch; ủy viên phản biện trong Hội đồng; tư vấn phản biện độc lập quy hoạch; hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; nội dung thẩm định; lấy ý kiến trong quá trình thẩm định; họp Hội đồng thẩm định và báo cáo thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Mục 2: Phê duyệt quy hoạch

Mục này quy định về thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch; nội dung phê duyệt quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Mục 3: Công bố quy hoạch

Mục này quy định về công bố quy hoạch; lưu trữ hồ sơ quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Chương IV. Thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch (Điều 32 - Điều 35)

Chương này gồm 2 mục:

Mục 1: Thực hiện quy hoạch

Mục này quy định về kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện quy hoạch; nguồn lực thực hiện quy hoạch và báo cáo về hoạt động quy hoạch.

Mục 2: Đánh giá, điều chỉnh quy hoạch

Mục này quy định về trách nhiệm, nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch.

Chương V. Điều khoản thi hành (Điều 39 - Điều 40)

Chương này quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Nghị định.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ, xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Chu Ngọc Anh



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử* bao gồm việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. *Tích hợp quy hoạch* là phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan trong việc lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử nhằm đạt được mục tiêu phát triển hợp lý, hiệu quả và bền vững.

3. *Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là hợp phần quy hoạch)* là một nội dung của quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được lập để thực hiện việc tích hợp quy hoạch.

Điều 4. Thời kỳ quy hoạch, thời hạn lập quy hoạch, trình tự trong hoạt động quy hoạch, hợp phần quy hoạch

1. Thời kỳ quy hoạch của quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là 10 năm. Tầm nhìn của quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là từ 20 năm đến 30 năm.

2. Thời hạn lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử không quá 24 tháng, thời hạn lập hợp phần quy hoạch không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

3. Trình tự trong hoạt động quy hoạch

a) Lập quy hoạch:

- Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

- Tổ chức lập quy hoạch.

b) Thẩm định quy hoạch.

c) Phê duyệt quy hoạch.

d) Công bố quy hoạch.

đ) Thực hiện quy hoạch.

e) Đánh giá quy hoạch.

g) Điều chỉnh quy hoạch.

Điều 5. Hệ thống thông tin và dữ liệu phục vụ cho hoạt động quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống thông tin và dữ liệu về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức điều tra, thống kê và cung cấp thông tin phục vụ hoạt động quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

3. Công tác điều tra, thống kê và cung cấp thông tin về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Kinh phí cho việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước của cơ quan tổ chức lập quy hoạch và các cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch; nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; nguồn thu và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí cho việc thực hiện quy hoạch được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện quy hoạch; nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; nguồn thu và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

**Chương II
LẬP QUY HOẠCH**

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN THAM GIA LẬP QUY HOẠCH

Điều 7. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch, cơ quan lập hợp phần quy hoạch

1. Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử bao gồm các hợp phần tương ứng với nội dung quy hoạch quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tổ chức lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

3. Cục Năng lượng nguyên tử, Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

4. Bộ Y tế tổ chức lập hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong khí tượng, thủy văn, địa chất, khoáng sản, bảo vệ môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong nông nghiệp; Bộ Công Thương tổ chức lập hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong công nghiệp.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch khác theo phân công của Bộ Khoa học và Công nghệ trong giai đoạn lập quy hoạch.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch;
2. Xem xét, quyết định phương án tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch;
3. Chịu trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch;
4. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch;
5. Đôn đốc, theo dõi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình lập quy hoạch.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Xác định các yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch; xác định các hợp phần quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cần lập; xác định phạm vi nghiên cứu và nội dung cụ thể từng hợp phần quy hoạch phù hợp với nội dung quy hoạch cần lập; đề xuất phân công cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch đối với quy hoạch và cơ quan lập hợp phần quy hoạch; xây dựng kế hoạch lập quy hoạch; dự toán chi phí lập quy hoạch và chi phí lập các hợp phần quy hoạch theo quy định của pháp luật; xây dựng báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Trình cơ quan tổ chức lập quy hoạch thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Cơ quan lập quy hoạch được thuê chuyên gia tư vấn để xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và lập quy hoạch sau khi được phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện kế hoạch lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 12 Nghị định này; báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch trong trường hợp không có tổ chức tư vấn đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 12 Nghị định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu liên quan đến quy hoạch phục vụ việc lập quy hoạch.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở cho việc lập quy hoạch và các hợp phần quy hoạch; định hướng nghiên cứu và giới hạn nội dung, phạm vi nghiên cứu đối với hợp phần quy hoạch để cơ quan lập hợp phần quy hoạch thực hiện.

6. Chủ trì, phối hợp với cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch thực hiện việc tích hợp hợp phần quy hoạch vào quy hoạch căn lập, bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Rà soát nội dung các hợp phần quy hoạch; xác định nguyên tắc và cách thức tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; xác định các vấn đề mâu thuẫn, các điểm xung đột, các nội dung quy hoạch chồng chéo, các đề xuất không hợp lý và thiếu khả thi trong thời kỳ quy hoạch; các cơ hội kết hợp và lồng ghép nội dung các hợp phần quy hoạch;

b) Xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng; xác định các khu vực ưu tiên, khuyến khích phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch, luận chứng xây dựng danh mục các dự án quan trọng và thứ tự ưu tiên thực hiện;

c) Xây dựng và lựa chọn phương án tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; yêu cầu cơ quan lập hợp phần quy hoạch điều chỉnh, bổ sung nội dung hợp phần quy hoạch nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

d) Trường hợp còn có ý kiến khác nhau về việc tích hợp quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất lựa chọn phương án tích hợp quy hoạch báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét quyết định; thực hiện điều chỉnh phương án tích hợp quy hoạch và hoàn thiện quy hoạch theo ý kiến kết luận của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

7. Chịu trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

8. Trình cơ quan tổ chức lập quy hoạch thẩm định quy hoạch; báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch và cơ quan lập hợp phần quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch có trách nhiệm:

a) Quyết định cơ quan lập hợp phần quy hoạch;

b) Tổ chức thẩm định hợp phần quy hoạch trước khi gửi cơ quan lập quy hoạch;

c) Phối hợp với cơ quan lập quy hoạch thực hiện việc tích hợp hợp phần quy hoạch vào quy hoạch;

d) Cung cấp thông tin, số liệu có liên quan đến việc lập hợp phần quy hoạch cho cơ quan lập quy hoạch.

2. Cơ quan lập hợp phần quy hoạch có trách nhiệm:

a) Lập hợp phần quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt và yêu cầu của cơ quan lập quy hoạch;

b) Lựa chọn tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 12 Nghị định này; báo cáo Bộ trưởng Bộ chủ quản xem xét, quyết định việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch trong trường hợp không có tổ chức tư vấn đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 12 Nghị định này.

c) Điều chỉnh, bổ sung nội dung hợp phần quy hoạch được phân công lập khi có yêu cầu của cơ quan lập quy hoạch.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn lập hợp phần quy hoạch

1. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan lập quy hoạch đối với nội dung của hợp đồng tư vấn, trong đó phải có các trách nhiệm sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ số lượng, thời gian thực hiện và chất lượng của sản phẩm quy hoạch;

b) Phối hợp với cơ quan lập hợp phần quy hoạch trong quá trình lập quy hoạch;

c) Nghiên cứu, đề xuất nguyên tắc, cách thức tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch.

2. Tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan lập hợp phần quy hoạch đối với nội dung của hợp đồng tư vấn, trong đó phải có các trách nhiệm sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ số lượng, thời gian thực hiện và chất lượng của sản phẩm quy hoạch;

b) Phối hợp với cơ quan lập hợp phần quy hoạch trong quá trình lập quy hoạch;

c) Nghiên cứu, đề xuất nguyên tắc, cách thức tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch.

Điều 12. Điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và ít nhất 03 chuyên gia tư vấn đáp

ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này. Tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch phải có ít nhất 02 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án quy hoạch phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

a) Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến quy hoạch cần lập và có ít nhất 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực liên quan đến quy hoạch cần lập;

b) Đã chủ trì hoặc là chuyên gia tư vấn lập ít nhất 01 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 02 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Chuyên gia tư vấn chủ trì lập hợp phần quy hoạch phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

a) Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hợp phần quy hoạch cần lập và có ít nhất 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực liên quan đến hợp phần quy hoạch cần lập;

b) Đã trực tiếp tham gia hoặc là chuyên gia tư vấn lập ít nhất 01 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Mục 2

NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

Điều 13. Căn cứ xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Báo cáo rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.

Điều 14. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Căn cứ lập quy hoạch;
2. Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch:
 - a) Yêu cầu đối với các nội dung lập quy hoạch sau đây: Phạm vi ranh giới, thời kỳ quy hoạch; Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch; Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch; Nội dung chính của quy hoạch và các hợp phần quy hoạch;
 - b) Yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch.
 - c) Yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch.
3. Chi phí lập quy hoạch;
4. Thời hạn lập quy hoạch;
5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

Điều 15. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ; Thành viên Hội đồng bao gồm đại diện các Bộ, ngành liên quan, các nhà quản lý, chuyên gia.

3. Hoạt động của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, làm việc theo chế độ tập thể và biểu quyết theo đa số;

b) Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến, tổ chức họp Hội đồng thẩm định, lập biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định và dự thảo Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

4. Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình về thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch;

d) Tài liệu khác (nếu có).

5. Nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Sự phù hợp của các căn cứ pháp lý;

b) Sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của nội dung và phương pháp lập quy hoạch;

c) Sự tương thích giữa các hợp phần quy hoạch với nội dung quy hoạch cần lập;

d) Sự phù hợp giữa nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch với dự toán chi phí và nguồn vốn để lập quy hoạch;

đ) Tính khả thi của kế hoạch lập quy hoạch.

6. Thời gian thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 45 ngày tính từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhận đủ hồ sơ trình thẩm định.

7. Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định về nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tới cơ quan lập quy hoạch;

Điều 16. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

d) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch;

đ) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện;

e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch;

b) Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;

c) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;

d) Thời hạn lập quy hoạch;

đ) Quy định về thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch;

e) Chi phí lập quy hoạch;

g) Xác định các hợp phần quy hoạch và chi phí lập từng hợp phần quy hoạch;

h) Giao nhiệm vụ cho cơ quan lập quy hoạch và cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch.

Điều 17. Lấy ý kiến về quy hoạch

1. Đối tượng lấy ý kiến về quy hoạch gồm Hội đồng Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch.

2. Trường hợp quy hoạch có liên quan đến biên giới, hải đảo, vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan tổ chức lập quy hoạch phải thống nhất với

Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

3. Nội dung dự thảo quy hoạch trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này.

4. Việc lấy ý kiến Hội đồng Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tổ chức có liên quan về quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch gồm báo cáo quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch;

b) Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

c) Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét trước khi trình thẩm định quy hoạch.

5. Việc lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quy hoạch thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch gồm báo cáo quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích liên quan đến các dự án ưu tiên đầu tư trong dự thảo quy hoạch trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

c) Các hình thức lấy ý kiến bao gồm niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, tổ chức hội nghị, hội thảo, phát phiếu điều tra, phỏng vấn thông qua đại diện cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông tin việc lấy ý kiến về quy hoạch đến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp ý kiến gửi về cơ quan tổ chức lập quy hoạch trong thời gian 45 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

e) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan trước khi trình thẩm định quy hoạch.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ QUY HOẠCH

Mục 1

THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH

Điều 18. Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ; Thành viên Hội đồng bao gồm đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan, các nhà quản lý, chuyên gia.

3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có thể lựa chọn tư vấn phản biện độc lập. Tư vấn phản biện độc lập phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Chính phủ.

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm và quyền hạn:

- a) Chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định; tổ chức, điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;
- b) Phân công nhiệm vụ cho thành viên Hội đồng thẩm định;
- c) Phê duyệt báo cáo thẩm định quy hoạch.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm và quyền hạn:

- a) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;
- b) Nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, chuẩn bị ý kiến tham gia bằng văn bản tại cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các vấn đề chung;
- c) Được quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, tài liệu trình thẩm định do cơ quan lập quy hoạch gửi tới Hội đồng thẩm định.

2. Xây dựng, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định thông qua kế hoạch tổ chức thẩm định quy hoạch.

3. Cung cấp hồ sơ, tài liệu cho thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến đối với quy hoạch.

4. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng thẩm định cho phép tổ chức họp, hội nghị, hội thảo đánh giá các chuyên đề liên quan đến quy hoạch trước khi họp Hội đồng thẩm định.

5. Tổng hợp các ý kiến nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện, ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và ý kiến của tư vấn phản biện độc lập (nếu có) và các ý kiến khác, báo cáo Hội đồng thẩm định.

6. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng thẩm định tiến hành phiên họp thẩm định quy hoạch.

7. Lập Biên bản họp thẩm định quy hoạch.

8. Yêu cầu cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo quy hoạch, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và các tài liệu liên quan theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

9. Tổ chức thẩm định lại quy hoạch trong trường hợp quy hoạch chưa đủ điều kiện trình quyết định hặc phê duyệt theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

10. Lập báo cáo thẩm định quy hoạch trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phê duyệt.

11. Sử dụng bộ máy, phương tiện của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 21. Ủy viên phản biện trong Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Hội đồng thẩm định quy hoạch phải có ít nhất 03 thành viên là ủy viên phản biện.

2. Ủy viên phản biện trong Hội đồng thẩm định quy hoạch phải có ít nhất 15 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực liên quan đến quy hoạch cần lập đối với người có bằng đại học chuyên ngành liên quan đến quy hoạch; ít nhất 08 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực liên quan đến quy hoạch cần lập đối với người có bằng thạc sỹ trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến quy hoạch.

3. Ủy viên phản biện có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

b) Nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp;

c) Được nhận thù lao phản biện quy hoạch theo quy định.

Điều 22. Tư vấn phản biện độc lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Tư vấn phản biện độc lập quy hoạch là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện:

a) Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực liên quan đến quy hoạch cần lập đối với người có bằng tiến sỹ chuyên ngành liên quan đến quy hoạch; có ít nhất 15 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực liên quan đến quy hoạch cần lập đối với người có bằng thạc sỹ chuyên ngành liên quan đến quy hoạch; có ít nhất 20 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực liên quan đến quy hoạch cần lập đối với người có bằng đại học chuyên ngành liên quan đến quy hoạch;

b) Đã chủ trì hoặc là chuyên gia tư vấn lập ít nhất 01 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 02 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Không tham gia xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và không tham gia lập quy hoạch được phản biện.

2. Tổ chức tư vấn phản biện độc lập quy hoạch phải đáp ứng các điều kiện:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có ít nhất 05 chuyên gia đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định này;

c) Không tham gia xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và không tham gia lập quy hoạch được phản biện.

Điều 23. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Báo cáo quy hoạch;

c) Dự thảo văn bản quyết định phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

đ) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có

quyền yêu cầu cơ quan trình thẩm định quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về các nội dung liên quan.

Điều 24. Nội dung thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

Nội dung thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt;
2. Sự phù hợp với quy trình lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
3. Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện;
4. Sự phù hợp của quy hoạch với nội dung quy hoạch được quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

Điều 25. Lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 15 của Nghị định này, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi hồ sơ tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến.
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, các ủy viên phản biện trong Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến bằng văn bản tới cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp.
3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch lựa chọn tư vấn phản biện độc lập để phản biện một hoặc một số nội dung của quy hoạch. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu phản biện quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập phải gửi ý kiến bằng văn bản tới cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp.
4. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan về nội dung quy hoạch bằng hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và tổng hợp ý kiến báo cáo Hội đồng thẩm định.

Điều 26. Hợp Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định là ủy viên phản biện và ý kiến của tư vấn phản biện độc lập (nếu có), cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp ý kiến gửi các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Phiên họp thẩm định quy hoạch được tiến hành khi có văn bản của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch và có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch Hội đồng thẩm định, hai phần ba (2/3) số ủy viên phản biện, đại diện cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định dự họp; có mặt đại diện cơ quan lập quy hoạch và đại diện tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

3. Cơ chế ra quyết định của Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết theo đa số để nghiệm thu quy hoạch và thông qua biên bản họp thẩm định quy hoạch;

b) Quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý nghiệm thu quy hoạch.

Điều 27. Báo cáo thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Báo cáo thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 15 của Nghị định này và kết luận về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Báo cáo thẩm định quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến cơ quan tổ chức lập quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

Trường hợp kết luận quy hoạch chưa đủ điều kiện trình phê duyệt thì Hội đồng thẩm định quy hoạch trả lại hồ sơ cho cơ quan trình thẩm định quy hoạch và nêu rõ lý do.

Mục 2 PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

Điều 28. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử bao gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Báo cáo quy hoạch;

- c) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;
- d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;
- đ) Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có);
- e) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- g) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

Điều 29. Nội dung phê duyệt quy hoạch quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

Nội dung phê duyệt quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

**Mục 3
CÔNG BỐ QUY HOẠCH**

Điều 30. Công bố quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức công bố quy hoạch.

2. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, toàn bộ nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Quy hoạch được công bố theo hình thức quy định tại Điều 40 của Luật Quy hoạch.

Điều 31. Lưu trữ hồ sơ quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Hồ sơ quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử bao gồm:

a) Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Nghị định này;

b) Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Nghị định này;

c) Văn bản quyết định phê duyệt quy hoạch;

d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Việc lưu trữ hồ sơ quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ

Chương IV **THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

Mục 1 **THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

Điều 32. Kế hoạch thực hiện quy hoạch

1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được phê duyệt.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Dự án đầu tư công;
- b) Dự án đầu tư có sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công;
- c) Kế hoạch sử dụng đất;
- d) Xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 33. Chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch

Chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch được ban hành phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt;
2. Phát triển nguồn nhân lực;
3. Phát triển khoa học và công nghệ;
4. Bảo đảm an sinh xã hội;
5. Bảo vệ môi trường;
6. Bảo đảm nguồn lực tài chính;
7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn;
8. Tăng cường hợp tác quốc tế;
9. Nâng cao nhận thức cộng đồng.

Điều 34. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bố trí hoặc trình cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền bố trí các nguồn vốn cho dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch bố trí nguồn lực để thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao trong quy hoạch.

Điều 35. Báo cáo về hoạt động quy hoạch

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về hoạt động quy hoạch đến Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 10 để tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung và biểu mẫu báo cáo về hoạt động quy hoạch.

Mục 2

ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Điều 36. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo hướng dẫn và tiêu chí đánh giá do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tới Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá gửi Thủ tướng Chính phủ.

Điều 37. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch

Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch bao gồm:

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.

2. Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch trong kỳ quy hoạch, kỳ quy hoạch tiếp theo; kiến nghị Điều chỉnh quy hoạch (nếu có).

Điều 38. Điều chỉnh quy hoạch

1. Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử (Khoản 5 Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch)

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh quy hoạch.

b) Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố quy hoạch quy định tại Chương II và Chương III của Nghị định này.

c) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong quy hoạch những nội dung được điều chỉnh.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng ... năm 2019.

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

